

Phụ lục 3

**HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC CƠ SỞ SXKD
NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2022**

*(Kèm theo Báo cáo số 279/BC-SNN ngày 21 tháng 12 năm 2022 của
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận)*

TT	Nhóm ngành nghề	Doanh thu (Tỷ đồng/năm)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/lđ/tháng)	Tổng số lao động thuộc ngành nghề nông thôn(người)			Tổng số cơ sở SXKD ngành nghề nông thôn			
				Tổng số lao động	Trong đó		Doanh nghiệp	HTX	Tổ hợp tác	Hộ
					Lao động thường xuyên	Lao động không thường xuyên				
1	Chế biến, bảo quản nông sản, lâm, thủy sản	65	5	2.447	1.953	290	93	42	0	1.886
2	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ	8	5	42	15	10	0	15	0	12
3	Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ	07	7	2.730	2.034	314	108	100	0	2.179
5	Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh	04	7	85	55	19	0	0	0	55
6	Sản xuất muối	240	8	250	250	0	0	0	0	0
7	Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn	100	5	5.301	3.200	1.813	0	0	0	0

Phụ lục 5

DANH MỤC LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG, NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÍNH ĐẾN 30/11/2022

(Kèm theo Báo cáo số 279/BC-SNN ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận)

TT	Làng nghề/ Làng nghề truyền thống/Nghề truyền thống	Địa chỉ (xã, huyện)	Năm công nhận	Nhóm ngành nghề
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Làng nghề			
1	Làng nghề bánh tráng Phú Long	Khu phố Phú Thịnh, thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc	Quyết định số 09/2003/QĐ-CTUBBT ngày 28/02/2003	Sơ chế từ gạo
2	Làng nghề bánh tráng Chợ Lầu	Khu phố Xuân An, Thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình	Quyết định số 09/2003/QĐ-CTUBBT ngày 28/02/2003	
3	Làng nghề gôm gọ Bình Đức	Thôn Bình Đức, Xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình	763/QĐ-UBND ngày 20/3/2007	Thủ công mỹ nghệ
II	Làng nghề truyền thống			
III	Nghề truyền thống			